

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 4 - 2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huân

2. Ông Tạ Văn Đức

-Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Ý Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:Ông Đào Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thu H, sinh năm 1984(có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 6, thôn Y T, xã T T, huyện M L, thành phố Hà Nội.

Nơi đăng ký tạm trú và nơi ở hiện nay: Số nhà 9, ngõ 9, đường V C C, tổ 13, phường N Đ, quận C G, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Xuân T, sinh năm 1982(vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn 6, xã T H, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18 tháng 8 năm 2020 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lưu Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Xuân T đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 01 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hà, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, chị về làm dâu gia đình bố mẹ anh T được khoảng một tuần thì vợ chồng ra ở riêng tại nhà trọ chị đã thuê từ trước ở phường M T H, quận N T L, thành phố Hà Nội, còn cụ thể ở số nhà nào, ngõ nào chị không nhớ. Đến tháng 4 năm 2016, vợ chồng chị chuyển đến ở trọ tại địa chỉ: số 9, ngõ 9, đường

V C C, phường N Đ, quận C G, thành phố Hà Nội. Đầu năm 2017, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị làm ở thành phố Hà Nội và nuôi con một mình, anh T đi làm theo công trình xây dựng ở tỉnh Lai Châu. Vợ chồng không thường xuyên gặp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng đối xử lạnh nhạt với nhau, không thường xuyên chia sẻ với nhau về tình cảm, không thường xuyên chuyện trò, tâm sự. Vợ chồng cũng ít khi gọi điện thoại cho nhau. Anh T còn nghi ngờ chị có mối quan hệ không đúng mực với người nam giới khác nên anh T nhiều lần xúc phạm chị. dịp tết đầu năm 2019, anh T có về ở tại phòng trọ nhưng vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau nên anh T bỏ về gia đình bố mẹ để anh T ăn tết, bỏ lại chị và con tại phòng trọ. Hôm sau, chị và con về gia đình bố mẹ để chị ăn tết. Tháng 9/2019, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân từ đó. Sau đó, chị đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết ly hôn. Tại Bản án số 39/2019/HNGĐ-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị đối với anh T. Ngày 06/12/2019, chị đã kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho chị được ly hôn anh T và được quyền nuôi con. Khi Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án xin ly hôn của chị, chị đã rút đơn khởi kiện xin ly hôn vì chị tìm hiểu và được biết nếu để Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử y án sơ thẩm thì 12 tháng sau chị mới được làm đơn xin ly hôn lại nên chị đã tự nguyện rút đơn để có thể nộp đơn xin ly hôn trong thời gian sớm hơn, chứ không phải rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, do dịch bệnh nên cuối tháng 9/2020, chị mới nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án được.

Từ thời điểm chị rút đơn khởi kiện xin ly hôn anh T cho đến nay, anh T có vài lần gọi điện thoại nhưng là để nói chuyện với con gái là cháu Trần Ngọc Phương Linh, chứ vợ chồng không nói gì với nhau.

Tháng 12/2020, do anh T yêu cầu chị trả lại cho anh những tài sản mà anh T đã mua sắm trong thời gian vợ chồng chung sống gồm 01 tivi samsung 32inch, 01 điều hòa toshiba, 01 tủ lạnh, 01 bình nóng lạnh, 01 quạt điện nên chị đã thuê xe ô tô chở những tài sản này về gia đình bố mẹ anh T để trả lại cho anh T. Mẹ anh T là người trực tiếp nhận lại những tài sản này.

Địp tết đầu năm 2021 vừa qua, chị và anh T không liên lạc gì với nhau nên chị cũng không biết anh T có về gia đình anh hay không.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Phương Linh, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2016, hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu Linh, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về tài sản riêng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị và anh T không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

Về đất canh tác: Chị và anh T không ai được cấp đất canh tác.

Về công sức: Chị và anh T không có thời gian nào ở và làm ăn chung cùng gia đình hai bên nên không có công sức gì.

Đối với anh Trần Xuân T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T chỉ đến Tòa án làm việc duy nhất một lần vào ngày 02/11/2020. Tại Bản tự khai ngày 02/11/2020, anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lưu Thu H đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 01 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hà, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, vợ chồng thuê nhà ở trọ tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, thỉnh thoảng vợ chồng về gia đình bố mẹ đẻ anh. Quá trình chung sống, anh thường xuyên đi làm xa. Trong thời gian này, anh vẫn về với vợ con bình thường. Vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ. Khoảng một tháng gần đây, vợ chồng anh không gặp nhau do anh đi làm ăn xa. Năm 2019, chị H có đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết ly hôn và đã bị Tòa án xử bác đơn. Sau đó, chị H đã kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ly hôn và sau đó lại rút đơn khởi kiện. Anh không hiểu vì sao nay chị H lại nộp đơn xin ly hôn mà không có lý do gì lớn. Nay anh xác định tình cảm của vợ chồng anh vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Phương Linh, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2016, hiện đang ở với chị H. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh xin được nuôi cháu Linh, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về tài sản riêng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh và chị H không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

Về công sức, đất canh tác: Anh xác nhận không có.

Sau đó, anh Trần Xuân T đã được Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật được. Anh T không có yêu cầu phản tố. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ nhưng anh T không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do chị H cung cấp.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, như: Cung cấp đầy đủ, kịp thời các chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn có duy nhất một lần đến làm việc, còn lại là vắng mặt không có lý do và không cung cấp bất cứ tài liệu nào liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án mặc dù đã biết được thông báo thụ lý, cũng như giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lưu Thu H, cho chị Lưu Thu H được ly hôn anh Trần Xuân T; về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Phương Linh cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Do bị đơn anh Trần Xuân T có nơi cư trú tại thôn 6, xã Trung Hà, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Trần Xuân T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 19/3/2021, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và niêm yết theo quy định, ngoài ra còn giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Nguyễn Thị Nhân là mẹ đẻ anh T và bà Nhân cam đoan thông báo cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, ngoài ra còn giao quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị Nhân và bà Nhân cam đoan thông báo cho anh T. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Xuân T là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như trong quá trình giải quyết tại Tòa án, chị H cương quyết xin ly hôn còn anh T vắng mặt không có lý do nhưng theo quan điểm thể hiện trong bản tự khai của anh T là anh không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thu H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo lời trình bày của chị H là do chị làm ở thành phố Hà Nội và nuôi con một mình, anh T đi làm theo công trình xây dựng ở tỉnh Lai Châu, vợ chồng không thường xuyên gặp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng đối xử lạnh nhạt với nhau, không thường xuyên chia sẻ với

nhau về tình cảm, không thường xuyên chuyện trò, tâm sự. Vợ chồng cũng ít khi gọi điện thoại cho nhau. Anh T còn nghi ngờ chị H có mối quan hệ không đúng mực với người nam giới khác nên anh T nhiều lần xúc phạm chị H.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị Nhân là mẹ đẻ của anh T, bà Nhân xác định: Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, cụ thể: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, bà đều gọi điện thoại thông báo ngay cho anh T nhưng anh T đều nói rằng do công việc bận nên anh không đến Tòa án để làm việc được, anh đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật. Khoảng cuối năm 2020, chị H có mang những tài sản do anh T mua trong thời gian chị H, anh T chung sống với nhau tại Hà Nội về để trả lại cho anh T. Do anh T không ở nhà nên bà đã nhận thay. Bà không biết vì lý do gì mà chị H mang trả cho anh T các tài sản như vậy do chị H không nói gì với bà. Thời gian nghỉ tết đầu năm 2021, anh T có về gia đình, sau đó anh T lại đi làm ăn xa. Chị H không về gia đình bà và cũng không hỏi thăm gì gia đình bà. Kết quả xác minh tại khu vực chị H ở trọ tại Hà Nội xác định được từ khoảng đầu năm 2019, chị H và anh T có mâu thuẫn, đối xử lạnh nhạt với nhau, nói chuyện và cư xử với nhau cũng lạnh nhạt. Từ khoảng tháng 9 năm 2019 cho đến nay, anh T không có lần nào về ở với chị H tại phòng trọ nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng chỉ đến Tòa án làm việc duy nhất một buổi. Sau đó, Tòa án nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần đối với anh T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng chị H, anh T có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, nhưng anh T tỏ ra không quan tâm đến, không có thiện chí hợp tác.

Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay chị H kiên quyết xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt nhiều lần không có lý do. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ vì cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh T không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của chị H và anh T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

- Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Phương Linh, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2016, hiện đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị H, anh T về việc được trực tiếp nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên, hiện nay cháu Linh còn nhỏ tuổi, vẫn đang được chị H nuôi dưỡng đảm bảo. Cháu Linh đang được chị H cho đi học ở trường mầm non gần nơi chị H làm việc tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Anh T thường xuyên đi làm xa theo công trình. Quá trình giải quyết vụ án, chị H cung cấp mức thu nhập ổn định thể hiện qua bảng thanh toán lương nên cần chấp

nhận yêu cầu của chị H để giao con cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, về tài sản riêng: Vì chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về công nợ: Chị và anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

- Về đất canh tác: Chị H, anh T xác nhận vợ chồng không ai được cấp đất canh tác.

- Về công sức: Chị H, anh T xác nhận chị H và anh T không có thời gian nào ở và làm ăn chung cùng gia đình hai bên nên không có công sức gì.

[3]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[4]. Về án phí: Chị Lưu Thu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Trần Xuân T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Lưu Thu H được ly hôn anh Trần Xuân T.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Trần Ngọc Phương Linh, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2016 cho chị Lưu Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Anh Trần Xuân T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lưu Thu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0000036 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lưu Thu H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn anh Trần Xuân T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND xã Trung Hà, huyện Yên Lạc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Thảo

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Huân

Tạ Văn Đức

Nguyễn Thanh Thảo

